

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ X
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 90/2021/HSST
Ngày 22 tháng 12 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ X - TỈNH THANH HÓA
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa P tòa: **Ông Lê Đăng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sâm**
2. Ông **Lê Đăng Thiện**

Thư ký ghi biên bản P tòa: Bà **Trần Lê Diệu Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia P tòa: Ông **Phạm H Tâm**
- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số: 101/2021/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/QĐXXST-HS ngày 09/12/2021.

Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ngọc H**; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1979;

Sinh quán: xã Thọ Lộc, huyện T, Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Phố N xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do ;

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không.

Con ông: Phạm Ngọc M và bà Lê Thị Đ; Gia đình 04 anh chị em, bị cáo là con đầu; Vợ: Lê Thị H, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**, Tên gọi khác: không; Sinh năm 1973;

Sinh quán: xã Q, huyện C, thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: Học lớp 4/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo : Không

Con ông: Nguyễn Hữu S (đã chết) và bà: Hoàng Thị H; Gia đình 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Lê Thị L, có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện Bá Thước, Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, từ 07/10/2021 đến 10/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

3. Họ và tên: **Lê Văn X**, Tên gọi khác: không; Sinh năm 1972.

Sinh quán: xã B, huyện T, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không

Con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà: Lê Thị K. Gia đình 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Lê Thị Đ, có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, từ 07/10/2021 đến 10/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: **Lê Đức N**, Tên gọi khác: không; Sinh năm 1977.

Sinh quán: xã B, huyện T, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 4/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không

Con ông: Lê Đức K và bà: Lê Thị T. Gia đình 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 6. Vợ: Trần Thị M, có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, từ 07/10/2021 đến 10/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Lê Thiên P**, Tên gọi khác: không; Sinh năm 1958

Sinh quán: xã B, huyện T, Thanh Hóa

Nơi cư trú: thôn T 1, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ văn hóa: 7/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng ; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không

Con ông: Lê Thiên T (đã chết) và bà: Lê Thị S. Gia đình 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Lê Thị H, có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, từ 07/10/2021 đến 10/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt tại P tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 ngày 07/10/2021, Phạm Ngọc H, trú tại Phô N, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa sử dụng điện thoại cá nhân của mình có số thuê bao 0982.142,279 gọi cho Nguyễn Hữu H, sinh năm 1973, trú tại thôn N, xã B, T (số thuê bao là 0915.902.531) đến nhà ông Lê Thiên P, sinh năm 1958, trú tại thôn T 1, xã B chơi đánh bài phỏm. H đồng ý và hẹn sẽ đến sau. Khoảng 8 giờ H đi đến nhà ông P, thấy ông P đang ở nhà nên đã ngồi uống nước tại phòng khách cùng ông, được vài phút sau thì H đến, tiếp đó có Lê Đức N, sinh năm 1977, trú tại thôn M xã B cũng đến nhà ông P chơi và ngồi uống nước cùng ông P và H. Khoảng 5 phút sau H nói “ anh em làm tý” ý nói là đánh bài ăn tiền thì mọi người đồng ý, lúc này ông P đi xuống khu nhà bếp trái chiếu và lấy bài để sẵn trên chiếu để phục vụ mọi người đánh bạc, tiếp đó H, H N đứng dậy đi vào bếp để đánh bạc, lúc này có anh Lê Văn X, sinh năm 1972, trú tại thôn M xã B đến thấy những người trên đi vào bếp nên cũng đi theo. Khi vào đến nơi ông P nói với X “Chú có làm tý phỏm không”, X nói “bác để em” và ngồi xuống chiếu để đánh bạc cùng H, H và N. Cả 4 thống nhất đánh “Phỏm” ăn tiền, mức chơi 20.000 đồng, 40.000 đồng, 60.000đồng, 80.000đồng và 100.000 đồng tương ứng với số tiền mà người về nhì, ba, bét, móm và “ ù” phải bỏ ra để trả cho người thắng cuộc trong một ván; nếu có ván “ ù” thì mỗi ván người “ù” phải bỏ ra 20.000 đồng để trả tiền cho ông P dọn dẹp nhà cửa phục vụ mọi người đánh bạc.

Sau khi thống nhất cách chơi H, H, N và X bắt đầu bạc ăn tiền (lúc này khoảng hơn 8 giờ). Quá trình đánh bạc các bị cáo để tiền trong ví và dưới chiếu, trong mũ cối để đánh bạc, đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì bị Công an xã B, huyện T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu số tiền 1.110.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu cối. Ngoài ra còn thu giữ tiền và đồ vật liên quan gồm: Phạm ngọc H số tiền 1.310.000 đồng trong mũ cối 01 điện thoại di động, Nguyễn Hữu H 01 ví da bên trong có số tiền 2.550.000 đồng, 01 điện thoại di động, Lê Đức N 01 ví da màu nâu bên trong có 270.000 đồng và 01 điện thoại di động, Lê Văn X 01 ví da màu nâu bên trong có 5.550.000 đồng và 02 điện thoại di động (các vật chứng trên đều đã qua sử dụng).

Các bị cáo khai nhận: Trước khi đánh bạc H có 1.110.000 đồng, H để toàn bộ số tiền trên trong mũ cối và để ở dưới chiếu, khi bị bắt H đang thắng khoảng 900.000 đồng. H có 2.550.000 đồng, khi bị bắt H đang thắng 100.000 đồng, N có 1.400.000 đồng, khi bị bắt N đang thua khoảng 830.000 đồng; X có 5.750.000 đồng, khi bị bắt đang thua khoảng 100.000 đồng.(số tiền trên của các bị cáo đều đang để trong ví và dưới chiếu, mũ cối để sử dụng vào việc đánh bạc).

Về vật chứng vụ án

- Số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.780.000 đồng; 02 điện thoại di động của Phạm Ngọc H và Nguyễn Hữu H, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 mũ cối,

01 chiếc nhựa, 03 ví da (đã qua sử dụng). Hiện số vật chứng trên đang được quản lý để xử lý theo quy định.

- Đối với các điện thoại thu giữ của bị can Lê Đức N, Lê Văn X và Lê Thiên P, sau khi làm rõ không liên quan đến việc phạm tội đã được trả lại cho bị can N, X, P theo quy định .

Bản cáo trạng số: 98/CT-VKS-HS ngày 24/11/2021, Viện Kiểm Sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H, Nguyễn Hữu H, Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P về tội: **“Đánh Bạc”** Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ Luật Hình sự .

Trong phần luận tội, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyền công tố, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và Điều 58 BLHS đối với bị cáo Phạm Ngọc H, đề xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 09 tháng đến 12 háng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; đề nghị áp dụng: khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hữu H, đề xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H từ 06 tháng đến 09 háng tù, phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ, sung vào ngân sách nhà nước; đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lê Văn X và Lê Thiên P; áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 58 BLHS đối với Lê Đức N, đề xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn X từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ
- Bị cáo Lê Đức N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ
- Bị cáo Lê Thiên P từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ

Ngoài ra đại diện viện kiểm sát còn đề nghị hội đồng xét xử tuyên tịch thu số tiền 10.780.000 đồng, 02 điện thoại di động là vật chứng để sung vào ngân sách nhà nước; tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếc nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 03 chiếc ví và 01 mũ cối là vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại P tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại P tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo, của người bào chữa và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại P tòa hôm nay các bị cáo: **Phạm Ngọc H, Lê Đức N, Lê Văn X Nguyễn Hữu H và Lê Thiên P** đều thành khẩn nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, vật chứng thu giữ được và phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác. Trong phần tranh luận các bị cáo đều chấp nhận với lời luận tội của viện kiểm sát và đều thừa nhận có tội đúng như lời luận tội của Kiểm sát viên. Tổng số tiền bị lực lượng công an T thu tại chiếu bạc là 10.78.000đ. Quá trình điều tra và tại P tòa Hội đồng xét xử xác định số tiền tham gia đánh bạc như sau: Trước khi đánh bạc H có 1.110.000 đồng, H để toàn bộ số tiền trên trong mũ cối và để ở dưới chiếu, khi bị bắt H đang thắng khoảng 900.000 đồng. H có 2.550.000 đồng, khi bị bắt H đang thắng 100.000 đồng, N có 1.400.000 đồng, khi bị bắt N đang thua khoảng 830.000 đồng; X có 5.750.000 đồng, khi bị bắt đang thua khoảng 100.000 đồng. Số tiền trên của các bị cáo đều đang để trong ví và dưới chiếu, mũ cối để sử dụng vào việc đánh bạc.

Tổng số tiền mà các đối tượng dùng vào mục đích đánh bạc bị lực lượng công an thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo và được Hội đồng xét xử xác định số tiền đánh bạc trong vụ án là 10.780.000đ. (mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Lê Thiên P là chủ nhà đã cho các bị cáo sử dụng nhà mình để đánh bạc, chuẩn bị bài và chiếu, mặc dù không có mục đích thu tiền hồ nhưng hành vi của bị cáo đã giúp sức để các bị cáo khác thực hiện phạm tội nên bị cáo P là đồng phạm trong vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo: **Phạm Ngọc H, Nguyễn Hữu H, Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P** đã phạm tội “**đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng. Các bị cáo đều cố ý thực hiện tội phạm và nhằm mục đích lợi nhuận được, thua bằng tiền, sát phạt lẫn nhau bằng hình thức chơi đánh bạc trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo dễ dẫn đến các hậu quả xấu như tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò, vị trí và trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Phạm Ngọc H là người rủ rê và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

Nguyễn Hữu H là người được xếp vai trò thứ 2 sau bị cáo H, sau khi được H rủ đến nhà bị cáo P để đánh bạc thì H đã rủ rê các con bạc khác trong vụ án.

Bị cáo Lê Văn X được xếp ở vị trí thứ ba, vì là người có số tiền đánh bạc nhiều nhất trong vụ án.

Bị cáo Lê Đức N được xếp ở vị trí thứ tư, do có số tiền đánh bạc ít nhất trong vụ án.

Tuy vậy phải căn cứ vào số tiền đánh bạc của người phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự và để áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

Bị cáo Lê Thiên P được xếp ở vị trí sau cùng trong vụ án, vì bị cáo là chủ nhà đã cho các bị cáo sử dụng nhà mình, đưa bài và chiếu để đánh bạc, mặc dù không có mục đích thu tiền hồ nhưng hành vi của bị cáo đã giúp sức để các bị cáo khác thực hiện phạm tội nên bị cáo P là đồng phạm trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân, lý lịch, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hướng xử lý đối với các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; đều lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình khai báo thành khẩn. Nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo X có Bồ đề đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo P có thời gian phục vụ quân đội, bị cáo H có công đóng góp chống dịch COVID của địa phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo H là người khởi xướng nhưng không có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ; số tiền tham gia đánh bạc ít, bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội; bị cáo là lao động tự do, do dịch bệnh COVID không có việc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu H: Năm 2011, bị Công an huyện Bá Thước xử phạt vi phạm hành chính. Tuy H đã chấp hành xong khoản tiền phạt nhưng cho thấy bị cáo có nhân thân xấu (cùng hành vi đánh bạc), không có khả năng tự cải tạo thành người tốt nên phải áp dụng hình phạt tù, bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội; áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu H để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P là đồng phạm trong vụ án, có vai trò thấp, không có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS để phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo này.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

Số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.780.000 đồng; 02 điện thoại đi động của Phạm Ngọc H và Nguyễn Hữu H, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 mũ cối, 01 chiếu cối, 03 ví da (đã qua sử dụng). Hiện số vật chứng trên đang được quản lý để xử lý theo quy định.

Xét thấy số tiền 10.780.000 đồng là vật chứng trong vụ án, thu trên chiếu bạc và thu trên người các đối tượng đánh bạc đều là tiền đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số vật chứng còn lại gồm 02 điện thoại đi động của Phạm Ngọc H và Nguyễn Hữu H sử dụng liên lạc để phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. 01 chiếc chiếu nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 mũ cối, và 03

ví da (đã qua sử dụng). Hiện số vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Ngọc H, Nguyễn Hữu H, Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P** phạm tội “**đánh bạc**”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Phạm Ngọc H**.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Ngọc H 09** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì có thể bị buộc phải chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

Áp dụng: Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Nguyễn Hữu H**;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu H 06** (sáu) tháng tù, Hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù nhưng được trừ 03 ngày đã bị tạm giữ (Bị cáo bị tạm giữ, từ 07/10/2021 đến 10/10/2021).

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu H 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 58 BLHS đối với bị cáo **Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P**; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Lê Văn X và Lê Thiên P;

Xử phạt:

1- Bị cáo **Lê Văn X 30.000.000đ** (ba mươi triệu đồng).

2. Bị cáo **Lê Đức N 25.000.000đ** (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Bị cáo **Lê Thiên P 20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng).

Số tiền trên các bị cáo phải nộp sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự để sung vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, d khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy số tiền 10.780.000đ; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, số IMEI 353806080098505 và 01 điện thoại di động HUAWEI P40 màu đen số IMEI 866214045898954 để sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây, 01 mũ cối, 01 chiếu nhựa, 03 ví da (đã qua sử dụng).

Các vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản về việc giao vật chứng, tài sản số: 17 ngày 26/ 11/2021.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 21/3/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Phạm Ngọc H, Nguyễn Hữu H, Lê Văn X, Lê Đức N và Lê Thiên P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND
- THA dân sự;
- Phòng Kiểm tra án;
- Công an;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa P tòa

Lê Đăng Tuấn